TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày: 02 - 03 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thiện Bữu;

Ông Lý Ngọc Trai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh năm 1990, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: ấp Long P, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962 và bà Trần Thị N, sinh năm 1961; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Đang sống chung như vợ chồng với chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1997 và có 01 con chung là Nguyễn Thái H1, sinh năm 2019 (Bị cáo khai tại phiên tòa); tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Không. Tạm giam từ ngày 17/10/2020 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Hồng Ngự (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Ông Trần Văn L1, sinh năm 1983 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: khóm 1, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Khương Thị N1, sinh năm 1979 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: ấp B, xã L2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp

2. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1984 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: khóm 1, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Đoàn Trọng T1, sinh năm 1984 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: khóm 2, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1986 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: khóm 1, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ông Vũ Trường G, sinh năm 1988 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: khóm 5, phường A1, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

6. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1969 (Vắng mặt tại phiên tòa);

7. Bà Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1986 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Cùng địa chỉ: ấp Long P, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, khoảng thời gian tháng 11 năm 2019, lợi dụng mối quan hệ quen biết trước đó, Nguyễn Văn K có nói với ông Trần Văn L1 về việc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp có bán đấu giá các tài sản của bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1967 và ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1966 - ngụ ấp B, xã L2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp gồm: Quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền trên đất; 01 xe mô tô; 01 bộ bàn ghế Salong với tổng giá trị qua thẩm định là 253.519.200đ (Hai trăm năm mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn hai trăm đồng) nên gợi ý với ông L1 mua các tài sản trên để bán lại có tiền lợi nhuận và K sẽ giúp phần thủ tục mua tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi nghe gợi ý, ông L1 đồng ý và giao tiền cho K 04 (Bốn) lần với tổng số tiền là 253.750.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng), khi giao tiền ông L1 có hỏi khi nào mua xong thì K nói chậm nhất đến tháng 01/2020 sẽ hoàn thành việc mua. Cụ thể các lần giao tiền như sau: Lần thứ nhất: Ngày 12/11/2019, giao số tiền 50.750.000đ (Năm mươi triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng); Lần thứ hai: Ngày 15/11/2019, giao số tiền 50.750.000đ (Năm mươi triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng); Lần thứ ba: Ngày 21/11/2019, giao số tiền 101.500.000đ

(Một trăm lẻ một triệu năm trăm nghìn đồng); Lần thứ tư: Ngày 27/11/2019, giao số tiền 50.750.000đ (Năm mươi triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Sau khi giao tiền xong, từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2020 ông L1 nhiều lần liên hệ nhưng K thông tin là mua chưa được nên yêu cầu trả lại số tiền trên thì K cố tình né tránh không trả. Đến ngày 13/8/2020 ông L1 làm đơn tố giác hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên của K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công thị xã Hồng Ngự (nay là thành phố Hồng Ngự), tỉnh Đồng Tháp.

Quá trình điều tra đã chứng minh, K không đến Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp để liên hệ và các tài sản trên mới thông báo kết quả thẩm định giá, chưa tiến hành thủ tục đăng ký bán đấu giá nhưng K lại đưa thông tin là Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hồng Ngự tổ chức bán các tài sản trên theo thủ tục bán đấu giá tài sản và được đăng ký mua nên ông L1 tin tưởng giao tiền 04 (Bốn) lần với số tiền là 253.750.000đ và K đã sử dụng số tiền này vào việc trả nợ, tiêu xài cá nhân.

Khi làm việc với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trước ngày 17/10/2020, bị cáo K thành khẩn khai báo đối với hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, bị cáo thừa nhận số tiền lừa đảo chiếm đoạt của bị hại là 253.750.000đ; Tuy nhiên, đến ngày 03/11/2020 bị cáo thừa nhận chỉ lừa đảo chiếm đoạt của bị hại số tiền là 152.250.000đ, số tiền còn lại 101.500.000đ bị cáo cho rằng chỉ vay mượn của bị hại không có lừa đảo chiếm đoạt.

* Vật chứng liên quan đến vụ án: 01 (Một) đĩa DVD-R, trên đĩa có dòng chữ masell, để trong một phong bì được niêm phong, trên phong bì có chữ ký, ghi họ tên Đinh Thanh S, Huỳnh Hoàng M, Nguyễn Văn K và đóng dấu mộc tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; 15 (Mười lăm) trang tài liệu (chụp ảnh cá nhân, tin nhắn trên mạng xã hội Zalo và Facebook).

* Về dân sự trong vụ án: Trong quá trình điều tra, bị hại ông Trần Văn L1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 253.750.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSTPHN ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội "Lừa đạo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho

bị hại ông Trần Văn L1 số tiền chiếm đoạt là 253.750.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự thực hành quyền công tố và kiểm sát việc xét xử đã phát biểu lời luận tội là giữ nguyên Cáo trạng truy tố, có bổ sung thêm về nhân thân của bị cáo là hiện đang sống chung như vợ chồng với chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1997 và có 01 con chung là Nguyễn Thái H1, sinh năm 2019, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 07 năm đến 08 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận là đã nhận của ông L1 tổng số tiền là 293.750.000đ (Hai trăm chín mươi ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng). Trong đó có 152.250.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu hai trăm năm chục ngìn đồng) là tiền bị cáo nhận để mua tài sản bán đấu giá nêu trên, việc nhận số tiền này của ông L1 gồm 03 lần, lần thứ nhất ngày 12/11/2019 nhận 50.750.000đ tại quán cafe Thiên Nhi thuộc khóm 2, phường A1, thành phố H, lần thứ 02 và thứ 03 nhận mỗi lần là 50.750.000đ tại nhà ông L1 thuộc khóm 1, phường A1, thành phố H, vào ngày 15/11/2019 và ngày 21/11/2019, bị cáo thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt số tiền này của ông L1, nhưng sau đó được ông L1 đồng ý cho bị cáo sử dụng số tiền này để trả nợ. Số tiền còn lại là 141.500.000đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) là bị cáo vay mượn riêng của ông L1, việc vay mượn này bị cáo không nhớ rõ thời gian. Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua xem xét lời khai của bị cáo, của bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra vụ án, cũng như tại phiên tòa, Kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian tháng 10 và tháng 11 năm 2019, khi biết được thông tin về việc định giá tài sản của người phải thi hành án thông qua người được thi hành án là bà Khương Thị N1 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Trước đó bị cáo là người đại diện theo ủy quyền của bà Thảo tại Tòa án trong một vụ án dân sự). Do muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian đối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo lợi dụng mối quan hệ quen biết trước đó với ông Trần Văn L1, mặc dù chưa biết thông tin chính thức gì về việc bán đấu giá tài sản thi hành án nêu trên, nhưng bị cáo đã thông báo và đưa ra thông tin không đúng sự thật với ông L1 là hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự có tổ chức bán đấu giá các tài sản của người phải thi hành án là bà Huỳnh Thị T3, sinh năm 1967 và ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1966 - ngụ ấp B, xã L2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản bán đấu giá gồm: Quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền trên đất; 01 xe mô tô; 01 bộ bàn ghế Salong với tổng giá trị qua thẩm định giá là 253.519.200đ (Hai trăm năm mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn hai trăm đồng). Bị cáo gợi ý cho ông L1 mua các tài sản này để bán lại có tiền lời, bị cáo sẽ giúp phần thủ tục mua các tài sản này vì bị cáo nói là mình đang làm việc ở cơ quan Nhà nước nên biết các thủ tục này và được ông L1 đồng ý. Sau khi được ông L1 đồng ý, bị cáo đã nói dối, đưa ra thông tin sai sự thật với ông L1 là phải nộp tiền để tham gia việc mua tài sản đấu giá, vì sợ ông L1 không có tiền mặt đưa một lần nên bị cáo nói là có thể chia ra nhiều lần để nộp. Do tin những thông tin mà bị cáo đưa ra là sự thật nên ông L1 đã giao tiền cho bị cáo tổng cộng 04 (Bốn) lần với tổng số tiền là 253.750.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng), cụ thể các lần giao tiền như sau:

- Lần thứ nhất vào ngày 12/11/2019, tại Khóm 2, phường A1, thành phố H (Quán cafe Thiên Nhi), giao số tiền 50.750.000đ (Năm mươi triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng);

- Lần thứ hai vào ngày 15/11/2019, tại Khóm 1, phường A1, thành phố H (Nhà ông L), giao số tiền 50.750.000đ (Năm mươi triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng);

- Lần thứ ba vào ngày 21/11/2019, tại Khóm 1, phường A1, thành phố Hồng Ngự (Nhà ông L1), giao số tiền 101.500.000đ (Một trăm lẻ một triệu năm trăm nghìn đồng);

- Lần thứ tư vào ngày 27/11/2019, tại Khóm 1, phường A1, thành phố H (Nhà ông L1), giao số tiền 50.750.000đ (Năm mươi triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Sau khi nhận số tiền nêu trên của ông L, bị cáo cũng không đến liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự để trao đổi thông tin về việc mua tài sản mà bị cáo cho rằng bán đấu giá này và bị cáo tiếp tục nói dối, đưa ra các thông tin không đúng sự thật để lừa dối ông L nhằm chiếm đoạt số tiền đã nhận. Hiện nay bị cáo đã sử dụng hết số tiền chiếm đoạt của ông L và không có khả năng tài chính để trả lại tiền.

Từ những phân tích hành vi của bị cáo nêu trên, đã cho thấy bị cáo đã có ý thức chiếm đoạt tiền của ông L từ khi bị cáo biết được thông tin về kết quả thẩm định giá tài sản thi hành án, nên bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối là đưa ra các thông tin không đúng sự thật để lừa dối ông L đưa tiền cho mình nhằm chiếm đoạt. Đồng thời sau khi nhận tiền của ông L bị cáo tiếp tục đưa ra những thông sai sự thật lừa dối ông L nhằm kéo dài, che dấu hành vi phạm tội của mình.

Mặc dù, trong quá trình điều tra bị cáo nhiều lần thay đổi lời khai của mình. Cụ thể: Ngày 18/8/2020, bị cáo khai là vay tiền của ông L để làm ăn kinh doanh và thừa nhận đã nhận tiền của ông L tổng cộng là 03 lần với số tiền 203.000.000đ; Ngày 20/8/2020, bị cáo khai thừa nhận là đã nhận tiền của ông L 04 lần, tổng cộng là 253.750.000đ để mua tài sản thi hành án, đồng thời bị cáo có viết bản tự khai thừa nhận việc này; Ngày 10/9/2020, bị cáo khai thừa nhận là đã nhận tiền của ông L tổng cộng là 04 lần với số tiền 253.750.000đ để mua tài sản thi hành án; Ngày 27/9/2020 bị cáo khai thừa nhận là đã nhận tiền của ông L tổng cộng là 04 lần với số tiền 253.750.000đ để mua tài sản thi hành án, đồng thời giữa bị cáo và ông L đã đối chiếu với nhau về số lần, số tiền, thời gian và mục đích nhận tiền; Ngày 29/9/2020 bị cáo khai thừa nhận là đã nhận tiền của ông L tổng cộng là 04 lần với số tiền 253.750.000đ để mua tài sản thi hành án; Ngày 17/10/2020 bị cáo khai thừa nhận là đã nhận tiền của ông L tổng cộng là 04 lần với số tiền 253.750.000đ để mua tài sản

thi hành án và thống nhất với Quyết định khởi tố của Cơ quan Cảnh sát điều tra; Đến ngày 03/11/2020 thì bị cáo khai thừa nhận là chỉ nhận tiền từ ông L 02 lần tổng cộng là 152.250.000đ; Ngày 17/11/2020 thì bị cáo khai thừa nhận là chỉ nhận tiền từ ông L 02 lần tổng cộng là 152.250.000đ. Đến ngày 14/01/2021 bị cáo khai là nhận tiền của ông L tổng cộng là 253.750.000đ, trong đó có 152.250.000đ là tiền liên quan đến việc mua tài sản thi hành án, còn 101.500.000đ là vay mượn riêng của ông L sẽ giải quyết thành vụ kiện dân sự khác. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày thừa nhận đã nhận của ông L tổng số tiền là 293.750.000đ, tuy nhiên trong đó bị cáo chỉ thừa nhận 152.250.000đ là số tiền bị cáo nhận để mua tài sản bán đấu giá và thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt của ông L số tiền này, nhưng sau đó được ông L đồng ý cho bị cáo sử dụng số tiền này để trả nợ, còn 141.500.000đ là số tiền mà ông L cho bị cáo vay mượn riêng. Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có đầy đủ nhận thức về những hành vi của mình và có hiểu biết về pháp luật, đồng thời bị cáo cũng thừa nhận là mình đã nhận tổng cộng của ông L số tiền là 293.750.000đ. Số tiền mà bị cáo đã nhận này phù hợp với lời khai và yêu cầu của bị hại. Bị cáo cho rằng trong số tiền đã nhận này có 141.500.000đ là số tiền mà ông L cho bị cáo vay mượn riêng và việc sử dụng 152.250.000đ cũng được ông L đồng ý, tuy nhiên ông L không thừa nhận các việc này mà chỉ cho bị cáo vay mượn riêng số tiền là 40.000.000đ, bị cáo cũng không có gì chứng minh cho lời trình bày của mình có căn cứ. Số tiền 253.750.000đ trong tổng số 293.750.000đ mà bị cáo đã nhận này cũng phù hợp với số tiền mà bị cáo đã thông báo cho ông L biết tại Thông báo số 343/TB-THADS ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp về việc thông báo kết quả thẩm định giá tài sản. Quá trình điều tra cũng cho thấy, ngay từ lúc đầu trong bản tự khai do bị cáo tự viết và các biên bản lấy lời khai thì bị cáo đều thừa nhận số tiền chiếm đoạt của bị hại là 253.750.000đ để mua tài sản bán đấu giá.

Như vậy, từ những phân tích hành vi nêu trên của bị cáo, căn cứ kết luận điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bị hại, của những người tham gia tố tụng khác trong vụ án và lời thừa nhận của bị cáo, nhận thấy vì lười lao động chân chính, muốn có tiền nhanh chóng để sử dụng vào mục đích cá nhân, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội của mình là lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể là lừa đảo để chiếm đoạt 253.750.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) của ông Trần Văn L, nên đã có đủ chứng cứ để kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Điểm a, khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; ...".

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo: Như đã phân tích ở trên, do lười biếng lao động chân chính, muốn nhanh chóng có tiền, nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng tới trật tự trị an tại địa phương. Xét thấy số tiền chiếm đoạt của bị cáo là 253.750.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) là vụ án có tính chất, mức độ rất nghiêm trọng. Đồng thời trước và trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử thì bị cáo không tự nguyện hoặc tác động gia đình, người thân để bồi thường nhằm khắc phục một phần hậu quả cho bị hại mà bị cáo đã gây ra, điều này thể hiện bị cáo cố ý chiếm đoạt tài sản của bị hại.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án và tiền sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát không áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tặng nặng trách nhiệm hình sự nào đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu lời luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Khi quyết định hình phạt, căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và

nhân thân của bị cáo như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo để vừa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng răn đe phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tôi như bị cáo, góp phần ổn định tình hình chính trị tại địa phương và công cuộc phòng chống và ngăn ngừa tội phạm hiện nay.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự có quy định: "5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Tuy nhiên, xét thấy hiện nay bị cáo không có việc làm ổn định, công việc chính là làm thuê nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Các tình tiết khác của nội dung vụ án:

Đối với bà Khương Thị Ngọc Thảo khi cung cấp cho bị cáo biết Thông báo số 343/TB-THADS, ngày 25/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, về kết quả thẩm định giá tài sản, bà Thảo không biết bị cáo sử dụng thông tin này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Liêm nên Viện kiểm sát không có cơ sở truy tố hành vi của bà Thảo đồng phạm với bị cáo về tội danh trên hay các tội danh liên quan khác. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với người tên G không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, bị cáo khai đã dùng tiền chiếm đoạt của ông L1 để trả nợ cho G, nhưng Cơ quan điều tra chưa làm việc được, nên Viện kiểm sát không cơ sở xác định vai trò và trách nhiệm liên quan trong vụ án, khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Riêng số tiền bị cáo cho ông Vũ Trường G và ông Nguyễn Văn O vay, thì bị cáo và ông G, ông O đều trình bày đây là tiền cá nhân của bị cáo, không liên quan đến số tiền và hành vi chiếm đoạt tài sản của ông L, nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét trong vụ án này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra vụ án, ngoài số tiền chiếm đoạt nêu trên, thì bị hại ông Trần Văn L còn cho bị cáo vay riêng thêm số tiền là 40.000.000đ, số tiền này không

liên quan gì đến số tiền và hành vi chiếm đoạt nêu trên của bị cáo nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét trong vụ án này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trong trường hợp nếu ông L có yêu cầu tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có hành vi chiếm đoạt của ông Trần Văn L số tiền là 253.750.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng). Nay ông L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông L là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 12.687.500đ.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, khoản 1 Điều 51 và điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 17/10/2020).

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 468, 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải bồi thường cho ông Trần Văn L số tiền là 253.750.000đ (Hai trăm năm mươi ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 12.687.500đồng (Mười hai triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng là 12.887.500đ (Mười hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 02/3/2021).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Cơ quan Điều tra Công an Tp. Hồng Ngự;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Hồng Ngự;
- UBND xã Long Khánh A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Huỳnh Anh